



Australian Centre
for International
Agricultural Research



Alliance



THE UNIVERSITY
OF QUEENSLAND
AUSTRALIA



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT

Dự án Phát triển liên kết chuỗi giá trị để cải thiện hệ thống sản xuất sản qui mô nhỏ (Dự án AGB/2012/078)

Để phát triển sản xuất sản bền vững tại Sơn La

Tóm tắt

Tại Sơn La sắn là một trong những cây trồng hàng hóa chính, là nguồn thu nhập quan trọng của nông dân, nhất là đối với nhóm hộ nghèo. Việc phát triển diện tích trồng sắn trong thời gian qua cũng đã thúc đẩy ngành công nghiệp chế biến, tạo công ăn việc làm cho đông đảo người tham gia vận chuyển, chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ sắn. Mặc dù vậy, cây sắn nói chung và hoạt động canh tác sắn nói riêng vẫn chưa được quan tâm đúng mức, nông dân trồng sắn chưa được tiếp cận tiến bộ kỹ thuật, những kiến thức về phát triển sản xuất bền vững và bảo vệ đất. Vì vậy, bên cạnh năng suất và hiệu quả kinh tế thấp, canh tác sắn hiện vẫn được coi là hoạt động sản xuất gây xói mòn và suy thoái đất nghiêm trọng.

Trong bối cảnh đó, trong các năm 2017 - 2019 Dự án AGB/2012/078 “*Phát triển liên kết chuỗi giá trị để cải thiện hệ thống sản xuất sản qui mô nhỏ ở Việt Nam và Indonesia*”, do Trung tâm nghiên cứu Nông nghiệp quốc tế của Úc (ACIAR) tài trợ, đã thực hiện một số nghiên cứu phục vụ phát triển sản xuất sản bền vững, hướng tới bảo vệ đất canh tác, cải thiện năng suất cũng như thu nhập và lợi nhuận cho người trồng và các tác nhân khác tham gia chuỗi giá trị sắn tại Sơn La. Báo cáo này trình bày vắn tắt những kết quả nghiên cứu chính của Dự án nói trên và đề xuất tới các ban, ngành và các bên liên quan, bao gồm Bộ Nông nghiệp & PTNT, Bộ Công thương, Bộ Khoa học và Công nghệ, Chính quyền các cấp tỉnh Sơn La, hệ thống khuyến nông Tỉnh, một số nhà tài trợ, đơn vị nghiên cứu, cơ sở chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ sắn, một số đề xuất nhằm phát triển hệ thống sản xuất và tiêu thụ sản bền vững tại Sơn La.

Đặt vấn đề

Sơn La có diện tích trồng sắn lớn nhất vùng miền núi phía Bắc, năm 2018 đạt trên 34.000 ha, với sản lượng củ tươi trên 400.000 tấn. Ban đầu, sắn được trồng làm lương thực, thực phẩm, nhưng ngày nay sắn trở thành một trong các loại cây hàng hoá chính của địa phương. Nguồn thu nhập từ sắn đặc biệt quan trọng đối với nhóm các hộ nghèo, hiện vẫn chiếm một tỷ lệ cao, trên 28,44 %, (năm 2017)¹ tại Sơn La. Cùng với phát triển diện tích trồng sắn, các ngành nghề liên quan chuỗi giá trị sắn cũng phát triển, nhất là trong khoảng 10 năm trở lại đây.

Tuy nhiên, canh tác sắn ở Sơn La đang đối mặt nhiều khó khăn, như bộ giống hiện ít đa dạng, các giống đều đã cũ không phù hợp với yêu cầu sản xuất hàng hóa; Đất canh tác chủ yếu là đất dốc, thường đã bị thoái hóa và nghèo dinh dưỡng; Kỹ thuật canh tác truyền thống (phát, đốt nương và cày xới nhiều) làm đất nhanh chóng bị xói mòn và suy thoái; Năng suất thấp và không ổn định, không mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người trồng.

Theo Quyết định số 1347/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 của UBND tỉnh Sơn La, sắn nằm trong danh mục các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của địa phương. Mục tiêu của Tỉnh đến năm 2025 đưa diện tích sắn đạt khoảng 40.000 ha, sản lượng củ tươi đạt 620.000 tấn bằng nhiều giải pháp kết hợp, bao gồm đưa vào trồng các giống sắn mới có năng suất, chất lượng cao, khả năng chống chịu sâu bệnh tốt; áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác bền vững trên đất dốc nhằm hạn chế xói mòn, rửa trôi đất; sử dụng các công nghệ tiên tiến, các thiết bị hiện đại để bảo quản, chế biến và xử lý chất thải từ chế biến tinh bột sắn.

Trong bối cảnh đó, dự án AGB/078/2012 đã thực hiện một số nghiên cứu nông học và nghiên cứu chuỗi giá trị sắn hướng tới phát triển sản xuất sắn bền vững tại Sơn La, nhằm hỗ trợ thực hiện mục tiêu phát triển sắn của Tỉnh, mang lại lợi nhuận cao hơn cho người trồng, cũng như cho tất cả các tác nhân tham gia chuỗi giá trị sắn.

Những vấn đề chính cần giải quyết

- Xói mòn và thoái hóa đất, làm cho năng suất sắn thấp, hiệu quả kinh tế không cao. Đặc biệt, tại Sơn La sắn hiện được trồng chủ yếu trên đất dốc và nông dân chưa được tiếp cận các kiến thức canh tác sắn và quản lý đất trồng sắn bền vững.
- Sự phát sinh ngày càng nhiều sâu bệnh trong khu vực và nguy cơ lây lan mầm bệnh tới Tây Bắc nói chung và Sơn La nói riêng, đặc biệt là virus khảm lá sắn và bệnh chổi rồng.
- Đầu tư của cả khối công, và đặc biệt là của khối tư nhân, cho nghiên cứu phát triển sắn còn ít; Cây sắn chưa từng là đối tượng chính của công tác khuyến nông.
- Quan niệm cây sắn là cây “bóc lột đất” vẫn còn trong đại bộ phận các nhà quản lý và một số nhà nghiên cứu. Điều này gây khó khăn cho định hướng và quy hoạch vùng thâm canh sắn tập trung cho phát triển hàng hóa.
- Bộ giống sản xuất ít đa dạng, tại các vùng trồng sắn thương phẩm của Sơn La chỉ có 2 giống phổ biến là KM94 và Lá Tre đỏ, có tiềm năng năng suất không cao. Sự ít đa dạng này gia tăng tính không ổn định của hệ thống sản xuất, gây nguy cơ mất mùa trên diện rộng khi có thiên tai hoặc dịch bệnh.
- Chưa có hệ thống sản xuất và cung cấp giống tốt, chất lượng và sạch bệnh; Hiện nông dân tự để và trao đổi giống cho nhau, họ lại cũng chưa có kiến thức về công tác giống. Điều này tạo nguy cơ lây lan mầm bệnh, cả trong phạm vi địa phương và cả từ nơi khác tới.

¹<https://www.most.gov.vn/vn/tin-tuc/14419/son-la-dat-ke-tua-cao-trong-thuc-hien-nghi-quyet-trung-uong-7-khoa-x-ve-nong-nghiep-nong-dan-nong-thon.aspx>

- Nông dân chưa biết trồng hom sản đúng kỹ thuật, chưa đầu tư phân bón cho cây sản một cách đầy đủ và hợp lý; Hầu hết họ chỉ sử dụng một lượng ít (khoảng 50 kg/ha) phân NPK (5:10:3) để bón một lần, vào lúc trồng, cho sản.

Kết quả nghiên cứu chính

Nói chung, năng suất và hiệu quả kinh tế của sản phụ thuộc vào nhiều yếu tố, bao gồm giống, mật độ trồng, mức phân bón, loại phân bón, cách bón phân, thời điểm bón phân cũng như chất lượng đất canh tác. Tại các nơi đất bằng phẳng và màu mỡ hơn (mới chuyển sang trồng sản được 1-2 năm sau một số năm trồng ngô hay đậu đỗ) cây sản cho năng suất và hiệu quả kinh tế cao hơn so với những nơi đất dốc và xấu hơn (đất độc canh cây sản nhiều năm liền).

Về giống

- Kết quả thử nghiệm lặp lại trong các năm 2017, 2018 và 2019 cho thấy, 2 giống sản mới (13Sa05 và BK) có khả năng sinh trưởng và phát triển tốt, cho năng suất cao hơn so với 2 giống KM94 và Lá Tre đỏ đang được trồng phổ biến tại địa phương; đồng thời cũng có hàm lượng tinh bột cao, trong khoảng 29-30%. Ưu điểm nữa của hai giống mới này là thấp cây, ít bị đổ, củ ngắn, nhiều củ, dễ thu hoạch hơn.
- Ở điều kiện không bị nhiễm sâu bệnh hại, tùy vào mức phân bón (mức 40N/10P/40K, tương đương 87 kg đạm ure + 142 kg supe lân + 80 kg kali clorua; hay mức 60N/15P/60K, tương đương 130 kg đạm ure + 213 kg supe lân + 120 kg kali clorua) và chất lượng đất (bằng phẳng màu mỡ hay dốc nhiều và thoái hóa) năng suất của giống BK và 13Sa035 cùng dao động trong khoảng 18 t/ha - 32 t/ha, cao hơn một cách đáng kể (14 - 76%) so với 2 giống đang phổ biến tại địa phương (KM94 và Lá Tre đỏ).
- Tuy nhiên, 2 giống sản mới này cũng có thể dễ bị nhiễm sâu bệnh hơn so với KM94 và Lá Tre đỏ. Tại xã Chiềng Chấn, huyện Mai Sơn, năm 2018 đã quan sát thấy nhiều cây BK và 13Sa035 bị chổi rồng và rệp sáp hồng, làm năng suất bị giảm đáng kể, trong khi 2 giống KM94 và Lá Tre đỏ không bị ảnh hưởng. Mặt khác, cây hom giống của giống BK và 13Sa05 cũng khó bảo quản hơn (chỉ bảo quản được dưới 2.5 tháng), và nếu khi trồng gặp hạn hán tỷ lệ mọc của 2 giống này thấp hơn KM94 và Lá Tre đỏ.

Về phân bón và mật độ trồng

- Việc bón phân cho sản, sử dụng 300 kg/ha NPK (5-10-3), hoặc bón ở mức (40N/10P/40K, tương đương 87 kg đạm ure + 142 kg supe lân + 80 kg kali clorua), hoặc bón ở mức (60N/15P/60K, tương đương 130 kg đạm ure + 213 kg supe lân + 120 kg kali clorua) đều làm tăng năng suất và hiệu quả kinh tế một cách đáng kể (10 - 50%) so với không bón phân.
- Với cùng chi phí đầu tư mua phân bón, việc sử dụng phân đạm, lân và kali đơn để bón cho sản theo tỷ lệ phù hợp, cho năng suất và hiệu quả kinh tế cao hơn so với khi sử dụng phân NPK hỗn hợp.
- Sử dụng phân đơn (chứa đạm, hoặc lân hoặc kali riêng rẽ) ở mức 40N/10P/40K, chia bón làm 3 lần (1 lần bón lót và 2 lần bón thúc) cho hiệu quả kinh tế cao nhất, năng suất của KM94 đạt 20 tấn/ha, gần với năng suất tiềm năng của giống này (khoảng 25-30 t/ha). Với cùng cách sử dụng và bón phân, khi tăng mức phân bón lên 60N/15P/60K năng suất sản và tổng thu nhập tăng hơn, nhưng hiệu quả kinh tế tính cho một ngày công lao động lại bị giảm so với mức 40N/10P/40K.
- Phân bón chậm tan (phân viên nén) không phù hợp để bón cho sản trồng trên đất dốc ở Sơn La, do đất dốc và không đủ ẩm thường xuyên để phân viên tan từ từ cung cấp dinh dưỡng cho cây, mặt khác khi mưa to cả viên phân có thể bị cuốn trôi.
- Việc tăng mức phân bón cùng với tăng mật độ trồng tới một mật độ thích hợp cho năng suất sản và hiệu quả kinh tế tăng. Với mức phân bón 60N/15P/60K, mật độ 2 giống KM 94 cho năng suất và hiệu quả cao nhất là 12.500 cây/ha (1m x 0,8 m). Nếu tiếp tục tăng mật độ cao hơn nữa thì

năng suất không tăng và thậm chí sẽ bị giảm, làm cho hiệu quả kinh tế bị giảm, do đòi hỏi tăng về chi phí để chuẩn bị giống, trồng và chăm sóc nương sắn.

Về kỹ thuật canh tác bảo vệ đất

- Kết quả nghiên cứu cho thấy việc trồng xen cây họ đậu hoặc làm băng chắn (bằng cách trồng cỏ hoặc xếp thân cây sắn vụ trước theo đường đồng mức) đều không làm ảnh hưởng tới năng suất sắn. Tác dụng bảo vệ đất, giữ cho đất không bị xói mòn, rửa trôi của các kỹ thuật này phụ thuộc nhiều vào độ dốc của nương. Quan sát bằng mắt cho thấy, với đất không quá dốc chất lượng đất được cải thiện (tơi xốp hơn, nhiều mùn hơn) sau 3 năm thử nghiệm. Với đất dốc nhiều tác động này không đáng kể.
- Trồng xen một số cây họ đậu (đậu đen và lạc) cho thêm sản phẩm, tạo thêm thu nhập. Nếu chăm sóc tốt và thu hái đầy đủ, đúng thời điểm, đậu đen có thể cho năng suất hạt khô 200 - 300 kg/ha, lạc cho năng suất củ tươi 300 - 400 kg/ha. Tuy vậy, thực hành này không được nông dân lựa chọn ứng dụng do tốn thêm công và đặc biệt là gặp nhiều khó khăn trong việc chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh và thu hái sản phẩm cây trồng xen. Hầu hết các nương sắn đều ở xa, mùa thu hoạch cây trồng xen là mùa mưa, đi lại khó khăn, quả đậu và lạc dễ bị thối, hỏng.
- Làm băng chắn theo đường đồng mức bằng thân cây sắn vụ trước (các băng cách nhau từ 8 - 10 mét) không cần thêm tiền đầu tư, lại dễ làm, chỉ mất thêm một số công thu gom thân cành cây xếp thành băng và gia cố các băng mỗi năm trước khi trồng sắn. Vì vậy, một số hộ đã lựa chọn mở rộng ứng dụng kỹ thuật này.
- Làm băng chắn bằng cách trồng băng cỏ theo đường đồng mức (các băng cách nhau 8 - 10 mét) cho thu hoạch cỏ khoảng 5 tấn/ha mỗi năm, có thể sử dụng để làm thức ăn cho cá hoặc gia súc. Tuy nhiên, việc cần thêm chi phí mua giống và nhiều công để trồng, chăm sóc, thu hoạch, quản lý băng cỏ là cản trở lớn để nông dân lựa chọn giải pháp này, nhất là khi mà hầu hết các nương sắn đều ở xa, không thuận tiện để sử dụng cỏ cho chăn nuôi.

Về sự phối kết hợp giữa các bên tham gia và hỗ trợ chuỗi giá trị sắn

- Nghiên cứu của Dự án đã xác định được đồng đảo tác nhân liên quan tới chuỗi giá trị sắn, bao gồm các tác nhân tham gia trực tiếp vào chuỗi giá trị và những tác nhân tham gia hỗ trợ chuỗi.
- Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, chưa có liên kết chặt chẽ giữa các tác nhân với nhau, đặc biệt là giữa các tác nhân trực tiếp tham gia chuỗi giá trị. Cho tới nay cũng chưa có đề tài, dự án nghiên cứu phục vụ canh tác và phát triển chuỗi giá trị sắn bền vững, cũng chưa có những lớp tập huấn cho nông dân về các tiến bộ kỹ thuật phục vụ canh tác sắn bền vững. Vì sắn không được coi là cây trồng chủ lực như lúa, ngô, cà phê và cây ăn quả, nên đầu tư của hệ thống khuyến nông cho sắn còn rất hạn chế.
- Khối tư nhân, do chưa có cạnh tranh về nguyên liệu, nên cũng chưa quan tâm đầu tư phát triển vùng nguyên liệu, chưa tham gia hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, đặc biệt là các kỹ thuật canh tác bền vững; Chưa có hợp đồng sản xuất nguyên liệu hay mua, bán sản phẩm giữa nông dân với các cơ sở chế biến hay với các thương nhân. Mặc dù vậy, một số nhà máy đã thể hiện mong muốn hỗ trợ nông dân ứng dụng tiến bộ kỹ thuật. Nhưng để phát triển liên kết giữa các cơ sở chế biến với nông dân cần có sự hỗ trợ, thúc đẩy của khối công, mà tới nay sự hỗ trợ này chưa có.
- Nghiên cứu còn cho thấy nguy cơ lây nhiễm bệnh từ các vùng sắn trong khu vực (như từ Lào, Campuchia, hoặc các tỉnh phía Nam) tới Sơn La, đặc biệt là virus khảm lá sắn, một bệnh đang lây lan mạnh giữa các nước trong khu vực và ở các tỉnh phía Nam. Việc không có hệ thống liên kết để nhập, thử nghiệm, sản xuất và cung cấp cây hom giống chất lượng ban đầu cho địa phương làm cho nguy cơ này gia tăng và dễ dàng hiện hữu khi nông dân phải tự tìm kiếm nguồn nhập, trồng thử, nhân và phát triển giống mới.

Kết luận và đề xuất

Về khâu giống

- Cần nhanh chóng giới thiệu và bổ sung giống mới, tăng sự đa dạng của bộ giống trong sản xuất, giảm thiểu nguy cơ mất mùa trên diện rộng và cải thiện hiệu quả kinh tế của việc trồng sắn. Trước mắt, có thể phổ biến và hỗ trợ nông dân mở rộng hai giống đã được Dự án đánh giá là phù hợp với địa phương, có năng suất củ và hàm lượng tinh bột cao - giống 13Sa05 và giống BK. Đồng thời cũng cần nghiên cứu xây dựng và phát triển hệ thống nhập, đánh giá, thử nghiệm, sản xuất và cung cấp nguồn giống mới chất lượng, sạch bệnh, nhằm tránh lây lan bệnh từ các vùng sắn khác trong khu vực, nhất là bệnh khảm lá sắn, một bệnh đang lây lan mạnh tại các tỉnh phía Nam nước ta.

Về phân bón

- Cần khuyến khích và hỗ trợ nông dân hiểu rằng, đối với cây lấy củ như sắn, liều lượng, thời điểm và cách thức bón phân cần khác so với các cây trồng cho lá và quả như lúa, ngô hoặc rau. Với thực trạng thị trường chưa có phân bón đặc chủng cho sắn, việc sử dụng phân đơn (chỉ chứa một trong các yếu tố dinh dưỡng, hoặc đạm, hoặc lân hoặc kali) với tỷ lệ thích hợp tại mỗi thời điểm bón (bón thúc, bón lót lần 1 và bón lót lần 2), với tổng mức phân cho cả vụ cho một hecta sắn là 40N/10P/40K (87 kg đạm urê + 142 kg supe lân + 80 kg kali clorua) hoặc 60N/15P/60K (130 kg đạm urê + 213 kg supe lân + 120 kg kali clorua) giúp cây sắn sinh trưởng phát triển tốt, cho năng suất tăng.

Về canh tác bảo vệ đất

- Cần hỗ trợ và khuyến khích nông dân nắm bắt và ứng dụng các kỹ thuật giúp giảm xói mòn, rửa trôi và thoái hóa đất, đặc biệt là kỹ thuật làm các băng chắn đồng mức bằng thân xác thực vật hoặc băng băng cỏ chăn nuôi hoặc trồng xen các họ đậu để che phủ và cải tạo đất. Chính sách và cơ chế hỗ trợ cần phù hợp để giảm thiểu gánh nặng tăng chi phí đầu tư (về công lao động và vật tư) cho nông dân, nhất là trong những năm đầu ứng dụng các kỹ thuật này. Cũng cần nhấn mạnh rằng, các kỹ thuật nói trên chỉ có tác dụng bảo vệ, cải tạo đất khi các nương không có độ dốc quá lớn (dưới 20 độ dốc), và vì thế cần khuyến khích, hỗ trợ để nông dân hiểu và tuân thủ quy định, chỉ trồng các cây ngắn ngày như sắn, ngô, lúa... trên các diện tích đất dốc dưới 20 độ; khuyến khích và hỗ trợ để họ chuyển sang trồng các cây lâu năm hoặc cây rừng trên các nương có độ dốc cao hơn.

Về phát triển liên kết chuỗi giá trị:

- Liên kết, phối hợp chặt chẽ giữa các bên tham gia chuỗi, giữa các bên hỗ trợ chuỗi và giữa hai nhóm này với nhau sẽ giúp giải quyết hiệu quả các vấn đề nói trên.
- Các nhà quản lý, bằng cách đề xuất, ban hành và thực thi chính sách, cơ chế phù hợp sẽ hỗ trợ hiệu quả nông dân ứng dụng kỹ thuật canh tác bền vững, sử dụng đất theo đúng quy định và đúng quy hoạch. Họ cũng là những người có vai trò thúc đẩy phát triển liên kết giữa sản xuất - nghiên cứu - tiêu thụ.
- Sự tham gia và cam kết của khối tư nhân sẽ giúp giải quyết các khó khăn trong khâu tiêu thụ và bình ổn giá (trong phạm vi có thể), và điều này sẽ làm nông dân yên tâm sản xuất và ứng dụng tiến

bộ kỹ thuật. Các cơ sở chế biến, cũng có thể tham gia giới thiệu, phổ biến những giống sản mới phù hợp với yêu cầu chế biến của họ để có năng suất và hiệu quả cao, trong khi các thương nhân kinh doanh vật tư có thể giới thiệu những loại phân phù hợp hơn để nông dân lựa chọn bón cho sản...

Cây sản cần được đưa vào danh sách những loại cây trồng chủ chốt trong chính sách khuyến nông và trong chương trình nghiên cứu, và cần có đầu tư thỏa đáng, đặc biệt là trong việc giúp nông dân hiểu, lựa chọn ứng dụng đúng, hiệu quả những giải pháp kỹ thuật tiên tiến và bền vững trong sản xuất sản. Mạng lưới khuyến nông nên đưa vào kế hoạch hoạt động của họ những nội dung tập huấn và hỗ trợ nông dân, bao gồm cả hỗ trợ kết nối họ với thị trường và các nhà nghiên cứu. Liên kết giữa hệ thống khuyến nông - khối nghiên cứu - cơ sở chế biến sẽ giúp thúc đẩy việc ứng dụng hiệu quả tiến bộ kỹ thuật, phát triển sản xuất bền vững cũng như mang lại hiệu quả tăng cho các tác nhân trực tiếp tham gia chuỗi giá trị sản.

Dự án AGB/2012/078 do Trung tâm Nghiên cứu nông nghiệp quốc tế của Úc (ACIAR) tài trợ, Viện Khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc chủ trì, phối hợp cùng Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển cây có củ thuộc Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Trung tâm Nghiên cứu nông nghiệp nhiệt đới quốc tế (CIAT), Đại học Queensland của Úc (UQ), và Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Sơn La thực hiện năm 2017 - 2020.

© 2020

Alliance

